

PHỤ LỤC
DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN TỪ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
I	Lĩnh vực: Trồng trọt – Bảo vệ thực vật						
1	Xây dựng mô hình sản xuất một số giống lúa bản địa, chất lượng có giá trị kinh tế cao tạo chuỗi liên kết bền vững tại một số tỉnh phía Bắc	Tạo vùng nguyên liệu, sản xuất theo chuỗi một số giống lúa bản địa, chất lượng có giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển bền vững ngành hàng lúa gạo tại Việt Nam.	1) Xây dựng mô hình sản xuất một số giống lúa bản địa, chất lượng có giá trị kinh tế cao (Nếp hạt cau, Nếp cái hoa vàng, ...) tạo vùng nguyên liệu tại các địa phương. Thực hiện các hoạt động chứng nhận chất lượng sản phẩm. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Thanh Hoá, Nam Định	2026 - 2028	1) 150 ha mô hình sản xuất các giống lúa bản địa, chất lượng tại một số tỉnh phía Bắc. Năng suất các giống đạt $\geq 4,0$ tấn/ha, $\geq 50\%$ diện tích được chứng nhận VietGAP. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
2	Xây dựng mô hình sản xuất sản an toàn dịch bệnh tại một số vùng trồng trọng điểm	Phát triển một số giống sản mới, năng suất cao, chống chịu bệnh khảm lá tạo vùng nguyên liệu ổn định cung cấp cho các nhà máy chế biến tại một số	1) Xây dựng mô hình trồng các giống sản mới, năng suất cao, chống chịu bệnh khảm lá tại một số vùng trồng trọng điểm. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.	Quảng Bình, Quảng Trị, Gia Lai	2026 - 2028	1) 270 ha mô hình sản xuất thâm canh giống sản mới an toàn dịch bệnh, năng suất đạt ≥ 40 tấn/ha, tạo vùng nguyên liệu ổn định phục vụ nhà máy chế biến. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		tỉnh miền Trung và Tây Nguyên	3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
3	Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, giảm chi phí, thích ứng với biến đổi khí hậu tại một số tỉnh đồng bằng Sông Hồng	Nâng cao hiệu quả trong sản xuất lúa tại vùng ĐBSH theo hướng giảm chi phí, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh, góp phần phát triển bền vững ngành hàng lúa gạo Việt Nam.	1) Xây dựng mô hình sản xuất lúa giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, thích ứng với biến đổi khí hậu: Sử dụng các giống lúa mới năng suất, chất lượng cao; áp dụng tổng hợp các TBKT trong canh tác lúa; thực hiện quản lý rom rạ trên đồng ruộng theo hướng kinh tế tuần hoàn. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến	Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Bình	2026 - 2027	1) 300 ha mô hình sản xuất lúa giảm chi phí, thích ứng với biến đổi khí hậu. Năng suất lúa vụ xuân đạt $> 6,0$ tấn/ha; vụ mùa đạt $> 5,5$ tấn/ha. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
			nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.				
4	Xây dựng mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp phục vụ Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng Sông Cửu Long”.	Mở rộng diện tích sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh tại vùng ĐBSCL, góp phần thực hiện thành công Đề án một triệu héc-ta lúa; Xây dựng và phát triển bền vững vùng nguyên liệu liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.	1) Xây dựng mô hình sản xuất các giống lúa mới, chất lượng cao tại vùng ĐBCSL. Thực hiện các hoạt động cấp mã số vùng trồng quy mô toàn dự án. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	An Giang, Long An, Vĩnh Long, Cà Mau	2026-2027	1) 400 ha mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải tại một số tỉnh vùng đồng bằng Sông Cửu Long. 100% diện tích được cấp mã số vùng trồng. Năng suất cao hơn > 5%, hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 04 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
5	Xây dựng mô hình sản xuất chè hữu cơ kết hợp làm du lịch sinh thái ở khu vực miền núi phía Bắc	Mở rộng diện tích vùng nguyên liệu sản xuất chè hữu cơ theo hướng đa giá trị, ứng dụng chuyển đổi số và phát triển du lịch tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sản	1) Xây dựng mô hình sản xuất chè hữu cơ gắn với hoạt động du lịch sinh thái và chuyển đổi số (số hóa về loại cây trồng, diện tích, sản lượng; nhật ký canh tác; tự trích xuất mã QR để truy xuất và minh bạch sản phẩm). 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.	Thái Nguyên, Phú Thọ	2026-2028	1) 30 ha chè đạt chứng nhận hữu cơ (thực hiện 3 năm liên tiếp trên cùng một điểm), năng suất năm thứ 3 đạt ≥ 130 tạ/ha. Trong đó ≥ 15 ha diện tích chè được số hóa. Mô hình được gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		xuất của chuỗi ngành hàng chè tại Việt Nam.	3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
6	Xây dựng mô hình sản xuất hồ tiêu hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên	Hình thành vùng sản xuất nguyên liệu hồ tiêu hữu cơ đáp ứng được yêu cầu của thị trường về sản phẩm an toàn. Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn với truy xuất gốc sản phẩm, nâng cao giá trị của ngành sản xuất hồ tiêu và bảo vệ môi trường.	1) Xây dựng mô hình hồ tiêu hữu cơ tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Đắk Nông, Quảng Trị	2026-2028	1) 30 ha hồ tiêu đạt chứng nhận hữu cơ (thực hiện liên tiếp 3 năm trên cùng một điểm), được cấp mã số vùng trồng, năng suất năm thứ 3 đạt $\geq 2,5$ tấn nhân/ha. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
7	Xây dựng mô hình sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao, thích	Nâng cao hiệu quả sản xuất chuỗi ngành hàng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên bằng việc ứng dụng các giải	1) Xây dựng mô hình sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu (cơ giới hoá trong sản xuất bao gồm làm đất và phun thuốc BVTV; hệ thống tưới nước tiết kiệm; cảm	Đắk Nông, Lâm Đồng	2026-2028	1) 30ha (thực hiện 3 năm trên cùng 1 điểm) mô hình cà phê ứng dụng công nghệ cao giảm được lượng nước tưới, phân bón và nhân công lao động; năng suất cà phê năm thứ 3 đạt ≥ 4 tấn nhân/ha. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	ứng với biến đổi khí hậu tại các tỉnh Tây Nguyên	pháp công nghệ tiên tiến, phù hợp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cho người nông dân.	biến về khí hậu, dinh dưỡng...). 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
8	Xây dựng mô hình sản xuất vải chín sớm PH40 gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc.	Nâng cao hiệu quả sản xuất cây ăn quả tại miền núi phía Bắc bằng việc chuyển giao, nhân rộng diện tích giống vải chín sớm PH40 năng suất, chất lượng cao, góp phần hình thành vùng nguyên liệu, tạo sinh kế bền vững cho người dân.	1) Xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh giống Vải chín sớm PH40. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo đầu bờ, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Phú Thọ, Điện Biên	2026-2028	1) 40 ha mô hình trồng, thâm canh vải chín sớm PH40 theo tiêu chuẩn VietGAP - 20 ha mô hình trồng mới: Cây sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ sống sau trồng $\geq 90\%$; tỷ lệ cây cho quả bói ở năm thứ 3 đạt $\geq 10\%$. - 20 ha mô hình thâm canh (thu hoạch sớm hơn giống chính vụ 20-25 ngày): Năng suất đạt ≥ 20 tấn/ha, sản phẩm có truy xuất nguồn gốc, $\geq 50\%$ diện tích đạt chứng nhận VietGAP. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, toạ đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
						5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
9	Xây dựng mô hình sản xuất một số giống táo mới (VC01, VC04, Đại Mật 06...) kết hợp với phát triển du lịch sinh thái tại một số tỉnh phía Bắc.	Nâng cao hiệu quả sản xuất cây ăn quả tại một số tỉnh phía Bắc theo hướng tích hợp đa giá trị kết hợp phát triển du lịch tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và năng lực cho người nông dân.	1) Xây dựng mô hình sản xuất các giống táo mới gắn với phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo đầu bờ, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Nam Định, Ninh Bình	2026-2028	1) 50 ha mô hình trồng, thâm canh một số giống táo mới theo tiêu chuẩn VietGAP. - Tỷ lệ sống sau trồng $\geq 90\%$; Năng suất năm thứ nhất đạt ≥ 5 tấn/ha, năng suất từ năm thứ hai đạt ≥ 15 tấn/ha. Sản phẩm có truy xuất nguồn gốc và $\geq 50\%$ diện tích được cấp chứng nhận VietGAP. - Mô hình được gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
10	Xây dựng mô hình sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ chiếu sáng gắn	Nâng cao hiệu quả sản xuất cây thanh long tại một số tỉnh phía Bắc bằng việc ứng dụng các công nghệ tiên	1) Xây dựng mô hình sản xuất cây thanh long ứng dụng công nghệ chiếu sáng trong xử lý ra hoa trái vụ. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.	Hải Phòng, Vĩnh Phúc	2026-2028	1) 20 ha sản xuất thanh long theo VietGAP ứng dụng công nghệ chiếu sáng trong xử lý ra hoa trái vụ. Năng suất tăng $\geq 10\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. Sản phẩm có truy xuất nguồn gốc và $\geq 50\%$ diện tích được cấp chứng nhận VietGAP. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh phía Bắc	tiến phù hợp, góp phần hình thành vùng nguyên liệu, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và hướng tới xuất khẩu.	3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo đầu bờ, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
11	Xây dựng mô hình sản xuất một số cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại một số tỉnh Tây Nguyên	Hình thành và phát triển vùng nguyên liệu sản xuất cây ăn quả đạt tiêu chuẩn chất lượng tại Tây Nguyên, đáp ứng nhu cầu nội tiêu và xuất khẩu.	1. Xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP (xoài, sầu riêng...) 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo đầu bờ, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Đắk Lắk, Đắk Nông	2026-2028	1) 50 ha trồng, thâm canh một số cây ăn quả (xoài, sầu riêng...) theo VietGAP : - 20 ha mô hình trồng mới: Cây sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống sau trồng $\geq 90\%$. - 30 ha mô hình thâm canh (thực hiện 3 năm liên tiếp tại cùng điểm): Năng suất tăng $\geq 10\%$ so với sản xuất ngoài mô hình, sản phẩm có truy xuất nguồn gốc và $\geq 50\%$ diện tích được chứng nhận VietGAP. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
						6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
12	Xây dựng mô hình trồng, thâm canh lê, mật giống mới (MV VAAS 24, MX VAAS 24, HS VAAS 24) kết hợp với phát triển du lịch sinh thái tại một số tỉnh phía Bắc	Nâng cao hiệu quả sản xuất cây ăn quả ôn đới tại một số tỉnh phía Bắc bằng việc sử dụng một số giống lê, mật mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, tạo sinh kế bền vững cho người dân.	1) Xây dựng mô hình trồng, thâm canh lê, mật giống mới gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo đầu bờ, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Sơn La, Lạng Sơn	2026-2028	1) 30 ha trồng, thâm canh lê, mật giống mới - 20 ha mô hình trồng mới : Cây sinh trưởng phát triển tốt, tỷ lệ sống sau trồng đạt $\geq 90\%$ - 10 ha mô hình thâm canh: Năng suất mật $\geq 6,5$ tấn/ha, năng suất lê $\geq 7,5$ tấn/ha. - Mô hình được gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu đề nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
13	Xây dựng mô hình sản xuất một số giống hồng đặc sản tại một số tỉnh miền núi phía Bắc.	Hình thành vùng sản xuất tập trung một số giống hồng đặc sản có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sinh thái tại địa phương góp phần nâng cao	1) Xây dựng mô hình trồng, thâm canh một số giống hồng đặc sản gắn với du lịch sinh thái tại địa phương. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.	Phú Thọ, Bắc Kạn, Thái Nguyên	2026-2028	1) 50 ha mô hình trồng, thâm canh một số giống hồng đặc sản theo VietGAP: - 15 ha mô hình trồng mới: Cây sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ sống sau trồng $\geq 90\%$ - 35 ha mô hình thâm canh: Năng suất tăng $\geq 10\%$ so với sản xuất ngoài mô hình, $\geq 50\%$ diện tích được chứng nhận VietGAP - Mô hình được gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		thu nhập và đời sống cho người dân.	4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo đầu bờ, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			- Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với sản xuất ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 25\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
14	Xây dựng mô hình sản xuất Dong riêng phục vụ phát triển vùng nguyên liệu tại một số tỉnh miền núi phía Bắc.	Khai thác lợi thế một số giống cây trồng đặc hữu, có giá trị dinh dưỡng và hiệu quả kinh tế cao, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, phát triển cộng đồng và xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh miền núi phía Bắc	1) Xây dựng mô hình sản xuất Dong riêng tạo vùng nguyên liệu. Thực hiện hoạt động cấp chứng nhận VietGAP. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Thái Nguyên, Sơn La, Phú Thọ	2026-2027	1) 60 ha mô hình sản xuất Dong riêng $\geq 80\%$ diện tích mô hình được chứng nhận VietGAP. Hiệu quả kinh tế Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
15	Xây dựng và phát triển mô hình trồng dâu nuôi tằm theo hướng bền vững tại vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ .	Xây dựng vùng nguyên liệu và chuyển giao vào sản xuất các giống dâu, giống tằm mới cùng các tiến bộ kỹ thuật theo kèm, góp phần phát triển bền vững ngành dâu tằm tơ tại Việt Nam.	1) Xây dựng mô hình trình diễn các giống dâu mới, giống tằm mới. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Lâm Đồng, Đắk Nông, Đồng Nai	2026-2028	1) 100 ha mô hình trồng mới, mô hình thâm canh các giống dâu: - Mô hình trồng giống mới, quy mô 50ha, năng suất lá dâu năm thứ 3 đạt ≥ 25 tấn/ha ; - Mô hình trồng thâm canh : quy mô 50 ha, năng suất lá dâu đạt ≥ 28 tấn/ha/năm; - 03 mô hình nuôi tằm con tập trung với 1000 hộp trứng/năm, tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$ đến hết tuổi 3, mô hình nuôi tằm lớn: 1000 hộp, tuổi 4, năng suất kén đạt $\geq 40\text{kg/}$hộp trứng. - Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
16	Xây dựng và phát triển mô hình giống cây đậu đỗ mới tại các tỉnh Bắc Trung Bộ	Xây dựng vùng nguyên liệu và chuyển giao vào sản xuất một số giống cây đậu đỗ mới cho năng suất và hiệu quả kinh	1) Xây dựng mô hình - Mô hình thâm canh một số giống cây đậu đỗ mới (vùng, lạc, đậu xanh). - Mô hình chuyển đổi trồng cơ cấu bằng các giống cây đậu đỗ mới trên đất kém hiệu quả.	Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị	2026-2028	1) 120 ha giống đậu xanh mới, năng suất đạt $\geq 1,5$ tấn/ha/vụ (đối với mô hình thâm canh) và đạt $\geq 1,2$ tấn/ha/vụ (đối với mô hình chuyển đổi cơ cấu); 90 ha giống lạc mới, năng suất đạt $\geq 4,5$ tấn/ha/vụ (đối với mô hình thâm canh) và đạt $\geq 3,5$ tấn/ha/vụ (đối với mô hình chuyển đổi cơ cấu); 60 ha vùng giống mới, năng suất đạt $\geq 1,2$ tấn/ha. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		tế cao, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng và nâng cao thu nhập cho người nông dân các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ.	2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
17	Xây dựng mô hình sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng	Phát triển mô hình một số loại rau có giá trị kinh tế cao theo hướng nông nghiệp tuần hoàn, đạt tiêu chuẩn VietGAP, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, năng lực cho người dân và bảo vệ môi trường sinh thái.	1) Xây dựng mô hình trình diễn trồng rau theo hướng kinh tế tuần hoàn. Thực hiện hoạt động cấp chứng nhận VietGAP. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Nam Định, Hà Nam, Thái Bình	2026-2028	1) 100 ha mô hình sản xuất rau, $\geq 80\%$ diện tích được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP; phụ phẩm từ mô hình (thân, lá rau) được sử dụng cho chăn nuôi, thủy sản tại các nông hộ, trang trại. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
18	Xây dựng mô hình sản xuất dưa lưới an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm ở một số tỉnh phía Nam	Phát triển sản xuất dưa lưới an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm ở một số tỉnh phía Nam thông qua sử dụng các giống dưa mới cho năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao cùng các biện pháp kỹ thuật canh tác phù hợp.	1) Xây dựng mô hình sản xuất giống dưa lưới an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP trong điều kiện nhà màng ở một số tỉnh phía Nam. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Lâm Đồng, Khánh Hoà, Đồng Nai	2026-2027	1) 15 ha mô hình sản xuất giống dưa lưới Hoàng Ngân trong điều kiện nhà màng năng suất đạt ≥ 30 tấn/ha/vụ. 100% diện tích mô hình được chứng nhận tiêu chuẩn VietGap. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
19	Xây dựng mô hình sản xuất một số giống rau (dưa chuột, cà rốt) theo hướng kinh tế tuần hoàn phục vụ xuất khẩu tại một số tỉnh đồng bằng sông Hồng	Thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn thông qua việc ứng dụng một số sản phẩm phân bón được chế biến từ phụ phẩm cây lúa để sản xuất các loại rau có giá trị kinh tế cao, phục vụ xuất khẩu; Nâng cao nhận thức của người sản xuất	1) Xây dựng mô hình - Mô hình sản xuất dưa chuột và cà rốt ứng dụng sản phẩm từ phụ phẩm cây lúa. - Mô hình sản xuất phân hữu cơ từ phế phụ phẩm cây lúa. - Mô hình sản xuất than sinh học từ phế phụ phẩm cây lúa. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án.	Hà Nam, Hải Dương	2026-2028	1) 45 ha mô hình cây dưa chuột và 45 ha cây cà rốt ứng dụng phân bón hữu cơ và than sinh học từ phụ phẩm cây lúa thay thế phân bón hóa học. 100% diện tích mô hình được chứng nhận tiêu chuẩn VietGap. Sản xuất được ≥ 300 tấn phân hữu cơ, ≥ 30 tấn than sinh học từ phụ phẩm cây lúa. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		trong tái sử dụng phụ phẩm từ cây lúa theo hướng đa giá trị cải tạo đất và bảo vệ môi trường.	3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			4) Các diễn đàn, toạ đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
20	Xây dựng mô hình sản xuất một số cây trồng vụ đông theo VietGap gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	Khai thác lợi thế khí hậu địa phương, hình thành vùng sản xuất các cây rau màu, củ quả có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao theo tiêu chuẩn VietGAP, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc.	1) Xây dựng mô hình sản xuất một số giống cây trồng vụ đông cho hiệu quả kinh tế cao: rau, khoai lang, khoai tây. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, toạ đàm, hội nghị, hội thảo, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Điện Biên, Sơn La	2026-2028	1) 90 ha mô hình sản xuất các loại rau vụ đông cho hiệu quả kinh tế cao (đậu quả, cà chua, bí xanh, khoai tây...), $\geq 80\%$ diện tích được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, toạ đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
21	Xây dựng mô hình phát triển một số cây trồng vật nuôi và cây	- Tạo môi trường đất, giá thể phù hợp với môi trường biển đảo để phát triển một	1) Xây dựng mô hình sản xuất rau, mô hình chăn nuôi vịt biển, mô hình cây ăn quả giá trị và mô hình trồng cây xanh tạo cảnh	Các đảo Song Tử Tây, Đá Nam, Đá Lát, Tiên	2026-2028	1) 05 mô hình sản xuất rau quy mô 1.000 m ² ; 05 mô hình chăn nuôi vịt biển quy mô 200 con; 05 mô hình cây ăn quả giá trị (dưa hấu, dưa ăn quả) và 05 mô hình trồng cây xanh quy mô 5.000 cây tạo cảnh quan tại các đảo.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	phủ xanh tại quần đảo Trường Sa	số cây trồng và cây xanh cảnh quan trên đảo. - Trồng rau, vật nuôi, cung cấp rau, thực phẩm tại chỗ cho chiến sỹ và nhân dân trên đảo. Nâng cao trình độ kỹ thuật canh tác cây trồng, kỹ thuật chăn nuôi cho nhân dân và chiến sỹ trên đảo nhằm sẵn sàng cho áp dụng trên đảo cũng như khi trở về sản xuất tại đất liền.	quan tại các đảo. Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, bổ cập kỹ thuật công nghệ tiên tiến mới đối với các nhà vườn, nhà lưới đang triển khai tại các đảo. 2) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho người dân, chiến sỹ trên đảo kỹ thuật sản xuất tiên tiến. 3) Tổ chức hoạt động thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông.	Nữ, và Thuyền Chài.		2) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 3) Người dân, chiến sỹ được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật canh tác các giống cây trồng mới. 4) Tổ chức các hoạt động diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ kết, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Huy động các nguồn lực của tổ chức, cá nhân từ đất liền để làm tăng quy mô so với quy mô dự án được phê duyệt.	
22	Xây dựng vùng nguyên liệu mô hình sản xuất một số cây rau gia vị chiết xuất tinh dầu (húng quế, mùi ta) theo chuỗi giá trị phục vụ xuất khẩu tại một	Hình thành và phát triển vùng nguyên liệu một số cây rau gia vị để chiết xuất tinh dầu phục vụ xuất khẩu; Nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sức cạnh tranh trên thị trường nâng cao thu nhập cho	1) Xây dựng mô hình trình diễn. Thực hiện các hoạt động truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu sản phẩm. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo,	Hà Nội, Phú Thọ, Hưng Yên,	2026-2028	1) 60 ha mô hình rau húng quế thu được 2.500 – 3.000 lít tinh dầu và 20 ha rau mùi ta thu được 400 – 600 lít tinh dầu, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; sản phẩm được cấp chứng nhận chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	số tỉnh phía Bắc.	người sản xuất tại một số tỉnh phía Bắc.	biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
23	Xây dựng mô hình sản xuất giống hoa ứng dụng công nghệ cao tại một số tỉnh phía Bắc	Ứng dụng công nghệ sinh học để phát triển mô hình sản xuất giống hoa chất lượng cao (cúc, loa kèn...) phục vụ nhu cầu thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất gắn với phát triển du lịch.	1) Xây dựng mô hình mô hình sản xuất giống hoa cúc, hoa loa kèn... chất lượng cao bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hải Phòng, Bắc Ninh	2026-2028	1) 15 ha mô hình sản xuất hoa cúc, 05 ha mô hình sản xuất hoa loa kèn đạt chất lượng cao, doanh thu đạt 250-500 triệu đồng/ha/năm. Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 2) 01 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 6) Nhân rộng mô hình $\geq 30\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	
II	Lĩnh vực: Chăn nuôi thú y						
24	Xây dựng mô hình cải tạo đàn bò cái nền bằng kỹ thuật thụ tinh	Nâng cao năng suất, chất lượng đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo góp	1) Xây dựng mô hình cải tạo đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo sử dụng tinh bò đực ngoại giống Senepol có năng suất, chất lượng cao.	Hà Nội, Phú Thọ	2026-2028	1) 2.300 bò cái nền được thụ tinh nhân tạo. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Tỷ lệ bò có chửa lần 1 $\geq 70\%$; tỉ lệ nuôi sống đến 6 tháng tuổi $\geq 90\%$, khối lượng sơ sinh Bê lai F1 Senepol ≥ 24 kg/con.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	nhân tạo sử dụng tinh bột ngoại chất lượng cao	phân tăng hiệu quả và phát triển chăn nuôi bền vững.	2) Xử lý chất thải chăn nuôi góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 3) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 3) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, kỹ thuật chăn nuôi bò sinh sản. 4) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm phổ biến kết quả, hiệu quả và nhân rộng mô hình. 5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
25	Xây dựng mô hình vỗ béo bò thịt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Phát triển vùng nguyên liệu bò thịt chứng nhận VietGAHP, truy xuất nguồn gốc gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của ngành.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi bò vỗ béo chứng nhận VietGAHP 2) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Xử lý chất thải chăn nuôi nhằm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Tuyên Quang, Bắc Giang, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh	2026-2028	1. Vỗ béo bò thịt (giết mổ tập trung – liên kết tiêu thụ sản phẩm) quy mô 3.500 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng bình quân $\geq 750\text{g/con/ngày}$. - 100% cơ sở /hộ tham gia mô hình được chứng nhận VietGAHP. 2) 05 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi bò (VietGAHP chăn nuôi bò), mô hình liên kết chuỗi. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
			6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng 15% so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
26	Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Phát triển được vùng nguyên liệu lợn thịt chứng nhận VietGAHP, gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của ngành.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thịt được chứng nhận VietGAHP. 2) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Xử lý chất thải chăn nuôi nhằm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hà Nam, Nam Định	2026-2028	1) 100% cơ sở/hộ tham gia mô hình được chứng nhận VietGAHP, quy mô 1.500 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng $\geq 700\text{g/con/ngày}$; Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 2,6\text{kg}$. 2) 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn (VietGAHP chăn nuôi lợn), mô hình liên kết chuỗi 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biên giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng 15% so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
27	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà H'Mông chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Phát triển vùng nguyên liệu gà H'Mông thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của ngành.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi gà H'Mông thương phẩm đạt chứng nhận VietGAHP. 2) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Xử lý chất thải chăn nuôi góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Bình Định, Quảng Ngãi	2026-2028	1) 100% cơ sở /hộ tham gia mô hình được chứng nhận VietGAHP, quy mô 30.000 con gà H'Mông thương phẩm. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt lúc 16 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi sống $\geq 93\%$, khối lượng cơ thể $\geq 1,2$ kg/con, tiêu tốn thức ăn/ kg tăng khối lượng $\leq 3,3$ kg. 2) 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà (VietGAHP chăn nuôi gà), mô hình liên kết chuỗi. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
28	Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thương phẩm chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ	Phát triển được vùng nguyên liệu vịt thương phẩm chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần thực hiện	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thương phẩm chứng nhận VietGAHP. 2) Xử lý chất thải chăn nuôi góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 3) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Nam Định, Thái Bình, Hải Dương	2026-2028	1) 100% cơ sở /hộ tham gia mô hình được chứng nhận VietGAHP, quy mô 50.000 con vịt thương phẩm. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt lúc 8 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi sống $\geq 90\%$, khối lượng cơ thể $\geq 3,2$ kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 2,7$ kg. 2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	sản phẩm	mục tiêu tăng trưởng của ngành.	4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			3) 03 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi vịt (VietGAHP chăn nuôi vịt), mô hình liên kết chuỗi. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
29	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm kết hợp với du lịch trải nghiệm	Phát triển mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm kết hợp với du lịch trải nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lông màu thương phẩm kết hợp với du lịch trải nghiệm. 2) Xử lý chất thải chăn nuôi góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 3) Tổ chức tham quan trải nghiệm tại mô hình. 4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	Khánh Hoà, Lâm Đồng	2026-2028	1) Gà lông màu thương phẩm, quy mô 46.000 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt lúc 15 tuần tuổi: tỷ lệ nuôi sống $\geq 93\%$, khối lượng cơ thể $\geq 1,6$ kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 2,9$kg. 2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 3) Tổ chức ≥ 06 đoàn tham quan, trải nghiệm cho người chăn nuôi, học sinh, khách du lịch (nuôi gà- trồng cây- giới thiệu sản phẩm), với quy mô ≥ 300 người. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi gà lông màu kết hợp với du lịch trải nghiệm. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
			6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			thuật) nhằm phổ biến kết quả, hiệu quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
30	Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Nâng cao giá trị sản phẩm, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh và bền vững.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi bò thịt xử lý chất thải bằng trùn quế kết hợp với trồng cỏ. 2) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hậu Giang, Cần Thơ	2026-2028	1) Mô hình nông nghiệp tuần hoàn (Chăn nuôi bò – xử lý phân bằng Trùn Quế - Trồng cỏ VA06), quy mô 1.400 con bò thịt. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Khả năng tăng khối lượng ≥ 850 g/con/ ngày; trồng cỏ VA06 làm thức ăn chăn nuôi bò, quy mô 12 ha/năm. Năng suất trung bình đạt ≥ 200 tấn/ha/năm. 2) 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về nông nghiệp tuần hoàn, kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biên giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
31	Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lai 18M1, Ri	Phát triển vùng nguyên liệu gà thịt chất lượng cao đạt chứng	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi gà lai 18M1, Ri lai đạt chứng nhận VietGAHP. 2) Xử lý chất thải chăn nuôi góp	Thái Nguyên, Bắc Ninh	2026-2028	1) 100% cơ sở/hộ tham gia mô hình được chứng nhận VietGAHP, quy mô 40.000 con gà lai 18M1, Ri lai. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: gà lai 18M1 lúc 16 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	lai chứng nhận VietGAHP, gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	nhận VietGAHP gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của ngành	phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 3) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			sống $\geq 93\%$; khối lượng cơ thể trung bình $\geq 2,2$ kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 3,7$ kg. Gà Ri lai lúc 15 tuần tuổi: Tỷ lệ nuôi sống $\geq 95\%$; khối lượng cơ thể trung bình $\geq 1,7$ kg/con, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 3,4$ kg. 2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 3) 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gà (VietGAHP chăn nuôi gà), mô hình liên kết chuỗi. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biên giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
32	Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản gắn với du lịch trải nghiệm nhằm nâng cao giá trị.	Phát triển mô hình chăn nuôi dê sinh sản gắn với du lịch trải nghiệm nhằm nâng cao giá trị.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản gắn với du lịch trải nghiệm. 2) Xử lý chất thải chăn nuôi góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 3) Tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm tại mô hình.	Nghệ An, Hà Tĩnh	2026-2028	1) Mô hình dê sinh sản, quy mô 620 con dê cái và 31 con dê đực. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: Số lứa đẻ $\geq 1,6$ lứa/cái/năm; khối lượng sơ sinh $\geq 2,3$ kg/con; tỷ lệ nuôi sống đến 3 tháng tuổi $\geq 90\%$. 2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 3) Tổ chức ≥ 06 đoàn tham quan, trải nghiệm cho người chăn nuôi, học sinh, khách du lịch, với quy mô ≥ 300 người.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
			4) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 5) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			4) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi dê sinh sản kết hợp với du lịch trải nghiệm. 5) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, diễn đàn, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Hiệu quả kinh tế $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 7) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
33	Xây dựng mô hình nuôi ong ngoại tại các tỉnh vùng cao gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	Phát triển bền vững nghề nuôi ong ngoại tại các tỉnh vùng cao, phát huy lợi thế tự nhiên góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân.	1) Xây dựng mô hình nuôi ong ngoại (<i>Apis Mellifera</i>), gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. 2) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hà Giang, Lào Cai	2026-2028	1) Mô hình nuôi ong ngoại (<i>Apis Mellifera</i>), quy mô 2.500 đàn ong, ≥ 06 cầu chuân/đàn, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: năng suất mật bình quân đạt ≥ 38 kg/đàn/năm. 2) 02 mô hình tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về kỹ thuật nuôi ong mật, mô hình liên kết chuỗi. 4) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, tọa đàm, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm kết nối, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
34	Xây dựng mô hình nuôi ong nội gắn với du lịch sinh thái tại các Vườn Quốc gia.	Phát triển nghề nuôi ong nội gắn với du lịch sinh thái, nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.	1) Xây dựng mô hình nuôi ong nội (<i>Apis cerana</i>) gắn với du lịch sinh thái. 2) Tổ chức hoạt động tham quan, trải nghiệm mô hình sinh thái tại Vườn Quốc gia. 3) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4) Thông tin tuyên truyền nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hà Tĩnh, Nghệ An	2026-2028	1) Mô hình nuôi ong nội (<i>Apis cerana</i>) mật gắn với du lịch sinh thái, quy mô 2.500 đàn ong nội, ≥ 03 cầu chuẩn/đàn, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: năng suất mật bình quân đạt ≥ 18 kg/đàn/năm. 2) Tổ chức ≥ 06 đoàn tham quan, trải nghiệm mô hình gắn với du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Vũ Quang và Pù Mát cho người chăn nuôi, học sinh, khách du lịch, với quy mô ≥ 300 người. 3) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn về kỹ thuật nuôi ong mật gắn với du lịch sinh thái. 4) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, tọa đàm, tham quan mô hình, video clip, biển báo mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
35	Xây dựng mô hình nuôi lợn bản địa (lợn cỏ Bình Thuận) tạo sinh kế cho người dân vùng đệm Vườn quốc gia Bù Gia Mập.	Phát triển chăn nuôi lợn bản địa (Lợn cỏ Bình Thuận) góp phần nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi; tạo công ăn việc làm, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn.	1) Xây dựng mô hình chăn nuôi lợn cỏ Bình Thuận tạo sản phẩm đặc trưng của địa phương. 2) Xử lý chất thải chăn nuôi góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. 3) Tổ chức đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng. 4) Thông tin tuyên truyền nhằm	Bình Phước, Đắk Nông	2026-2028	1) Lợn cỏ Bình Thuận, quy mô 1.400 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt: khối lượng 8 tháng tuổi ≥ 25 kg, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng $\leq 4,5$ kg. 2) 100% cơ sở/hộ chăn nuôi tham gia mô hình áp dụng các biện pháp xử lý chất thải làm phân bón cho cây trồng. 3) Người chăn nuôi, khuyến nông cơ sở và thành viên tổ khuyến nông cộng đồng được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa. 4) Thông tin tuyên truyền (Hội nghị tổng kết, tọa đàm, tham quan mô hình, video clip, biển giới thiệu mô hình, tờ gấp kỹ thuật) nhằm phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
			phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			5) Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 10\%$ so với chăn nuôi đại trà. Mô hình được nhân rộng $\geq 15\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
III	Lĩnh vực: Thủy sản và Ngành nghề Nông thôn						
36	Xây dựng mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng giảm phát thải, thích ứng với biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long	Phát triển vùng nuôi đối tượng chủ lực hiệu quả, đảm bảo chất lượng, giảm chi phí, giảm phát thải ra ngoài môi trường, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu góp phần vào tăng trưởng chung của ngành	1) Xây dựng mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu. 2) Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Tiền Giang, Bến Tre, Long An	2026-2027	1) ≥ 9 ha nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ sống $\geq 80\%$; cỡ thu hoạch ≤ 40 con/kg; 100% cơ sở nuôi đạt chứng nhận VietGAP/ASC. 2) Xây dựng được tối thiểu 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết với HTX/THT nuôi tôm thẻ chân trắng. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng giảm phát thải. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
37	Xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn, tuần hoàn tại một số tỉnh ven biển miền	Phát triển vùng nuôi đối tượng chủ lực hiệu quả, đảm bảo chất lượng, giảm chi phí, giảm phát thải ra ngoài môi	1) Xây dựng mô hình nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn, tuần hoàn. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.	Quảng Ninh, Ninh Bình, Hải Phòng	2026-2027	1) ≥ 6 ha nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng đạt các chỉ tiêu kỹ thuật: Tỷ lệ sống $\geq 80\%$, cỡ thu hoạch ≤ 60 con/kg. 100% cơ sở đạt chứng nhận VietGAP 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	Bắc	trường, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu góp phần vào tăng trưởng chung của ngành	3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thâm canh tôm thẻ chân trắng 3 giai đoạn. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
38	Xây dựng mô hình nuôi cấy ngọc của loài trai ngọc nữ (<i>Pteria penguin</i>) tại một số tỉnh ven biển miền Trung	Phát triển hình thành nghề nuôi biển mới hiệu quả, tạo sinh kế, góp phần chuyển đổi nghề khai thác ven bờ kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, tạo ra sản phẩm trai ngọc có giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.	1) Xây dựng mô hình nuôi cấy ngọc của loài trai ngọc nữ (<i>Pteria penguin</i>) 2) Tổ chức liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến ngọc trai gắn với tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Khánh Hòa, Bình Định	2026-2028	1) ≥ 6 ha nuôi cấy ngọc từ trai ngọc nữ. Đạt chỉ tiêu: Tỷ lệ sống $\geq 70\%$; Mỗi con trai có tối thiểu 02 viên ngọc; Tạo ra ≥ 10.000 viên ngọc. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến ngọc trai gắn với tiêu thụ sản phẩm 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi cấy ngọc trai, thu hoạch và sơ chế các sản phẩm từ trai ngọc nữ. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
39	Xây dựng mô hình nuôi ngao giá thương phẩm gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh Bắc Trung bộ	Phát triển nghề nuôi biển ven bờ, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho bà con nông dân. Tạo ra sản phẩm ngao 2 cùi đảm bảo chất lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu	1) Xây dựng các mô hình nuôi thương phẩm ngao giá. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa	2026-2028	1) ≥ 210.000 ô lồng nuôi thương phẩm ngao giá; mật độ 60-70 con/ô lồng. Đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ sống $\geq 75\%$; cỡ thu ≤ 30 con/kg; năng suất đạt $\geq 1,6\text{kg}/\text{ô}$ lồng. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm ngao giá. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
40	Xây dựng mô hình trồng rong sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) thương phẩm bằng ống lưới gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Phát triển vùng nguyên liệu rong biển đảm bảo chất lượng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, tạo công ăn việc làm tăng thu nhập cho bà con nông dân, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, giảm phát thải trong nuôi trồng	1) Xây dựng mô hình trồng rong sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) thương phẩm bằng ống lưới. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông.	Quảng Ninh, Hải Phòng, Quảng Bình, Phú Yên, Kiên Giang	2026-2028	1) ≥ 20 ha trồng rong sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) thương phẩm bằng ống lưới. Đạt các chỉ tiêu: Năng suất ≥ 40 tấn/ha; cỡ thu hoạch 0,6-1,2 cây/kg. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật trồng rong sụn. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		thuỷ sản	5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
41	Xây dựng mô hình nuôi cua biển (<i>Scylla paramamosai</i>) trong rừng ngập mặn gắn với phát triển du lịch sinh thái và liên kết tiêu thụ sản phẩm	Khai thác hiệu quả môi trường rừng ngập mặn, tạo sinh kế cho nông dân vùng đệm, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn.	1) Xây dựng mô hình nuôi cua biển (<i>Scylla paramamosai</i>) trong rừng ngập mặn gắn với phát triển du lịch sinh thái. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Nam Định, Thái Bình	2026-2028	1) ≥ 25 ha nuôi cua biển trong rừng ngập mặn. Đạt các chỉ tiêu: Tỷ lệ sống cua biển: Giai đoạn ương (GD1) $\geq 35\%$; Giai đoạn nuôi thương phẩm (GD2) $\geq 60\%$; Năng suất 1,5 tấn/ha. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm của biển. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi cua biển trong rừng ngập mặn. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
42	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá sủi đất trong lồng bè trên biển bằng thức ăn công nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Phát triển nghề nuôi bền vững, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống cho ngư dân ven biển góp phần giảm khai thác, bảo vệ	1) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá sủi đất trong lồng bè trên biển đạt hiệu quả cao. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.	Quảng Ninh, Khánh Hòa	2026-2028	1) ≥ 3.000 m³ nuôi thương phẩm cá sủi đất trong lồng bè trên biển. Đạt các chỉ tiêu: Năng suất $\geq 18,5$ kg/m³, tỷ lệ sống đạt $\geq 75\%$, cỡ cá thu hoạch $\geq 3,0$kg/con. 2) Xây dựng tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cá sủi đất trong lồng bè trên biển. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		nguồn lợi thủy sản ven bờ.	4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
43	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Lăng nha trong lồng, bè trên sông/hồ chứa gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương	Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước sông hồ phát triển nghề nuôi cá lồng, bè bền vững nhằm tích hợp đa giá trị, tạo sinh kế, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân tại địa phương.	1) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Lăng nha trong lồng, bè trên sông/hồ. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Đắk Nông và Bình Phước	2026-2028	1) $\geq 3.000\text{m}^3$ nuôi thương phẩm cá Lăng nha trong lồng. Đạt các chỉ tiêu: năng suất $\geq 15 \text{ kg/m}^3$ lồng, cỡ thu hoạch $\geq 1,2 \text{ kg/con}$. 2) Xây dựng/củng cố được tối thiểu 1 mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm gắn với phát triển du lịch sinh thái tại địa phương. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cá lăng nha trong lồng bè. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
44	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ	Khai thác hiệu quả diện tích mặt nước hồ chứa phát triển nghề	1) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ trong lồng trên hồ chứa gắn với du lịch sinh thái, trải nghiệm	Sơn La, Hoà Bình, Lai Châu	2026-2028	1) $\geq 6.000 \text{ m}^3$ lồng nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ trong lồng trên hồ chứa đạt các chỉ tiêu: tỷ lệ sống $\geq 75\%$; Năng suất đạt $\geq 12 \text{ kg/m}^3$, cỡ cá thu hoạch $\geq 1,5 \text{ kg/con}$;	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	trong lồng trên hồ chứa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm.	nuôi cá lồng, bè bền vững nhằm tích hợp đa giá trị, tạo sinh kế, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân tại địa phương.	2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Nheo mỹ trong lồng trên hồ chứa. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
45	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm lươn không bùn bằng thức ăn công nghiệp đạt chứng nhận VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại một số tỉnh phía Bắc	Đa dạng hoá nghề nuôi trồng thủy sản, phát triển nuôi các đối tượng thủy đặc sản có giá trị kinh tế cao, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho bà con nông dân, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, góp phần vào tăng trưởng chung của ngành.	1) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm lươn không bùn. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình	2026-2028	1) ≥ 3.000 m2 nuôi thương phẩm lươn không bùn bằng thức ăn công nghiệp. Đạt các chỉ tiêu: Năng suất ≥ 21 kg/m2, tỷ lệ sống đạt $\geq 70\%$, cỡ lươn thương phẩm $\geq 0,2$ kg/con. 100% cơ sở đạt chứng nhận VietGAP. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm lươn không bùn. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
						6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
46	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cua cà ra đạt chứng nhận VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Phát triển nghề nuôi thủy đặc sản nhằm phát huy lợi thế, đa dạng đối tượng nuôi giúp nâng cao hiệu quả cho người nông dân góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.	1) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cua cà ra trong ao. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương	2026-2028	1) ≥ 8 ha ao nuôi thương phẩm cua cà ra. Đạt các chỉ tiêu: Cỡ thu hoạch $\geq 120\text{g/con}$; Năng suất đạt $\geq 2,5$ tấn/ha; Trên 70% cơ sở đạt chứng nhận VietGAP. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm của dự án. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cua cà ra theo tiêu chuẩn VietGAP. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
47	Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá rô phi tại một số đơn vị quân đội.	Phát triển, tăng gia, đa dạng các hình thức sản xuất tại một số đơn vị quân đội giúp khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng sẵn có của đơn vị, tạo nguồn thực phẩm an	1) Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá rô phi tại một số đơn vị quân đội 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm,	Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Thái Bình	2026-2028	1) ≥ 06 ha nuôi thương phẩm cá rô phi. Đạt các chỉ tiêu: năng suất ≥ 14 tấn/ha; Cỡ thu hoạch trung bình $\geq 0,7$ kg/con. 2) Xây dựng tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm cá rô phi với các bếp ăn trong quân đội. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật nuôi thương phẩm cá rô phi. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		toàn, chất lượng cho cán bộ chiến sĩ trong quân đội	hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
48	Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hoá trong sơ chế, chế biến muối quy mô hợp tác xã gắn với tổ chức liên kết sản xuất tiêu thụ.	Phát triển vùng sản xuất muối tập trung nhằm nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả sản xuất muối giúp thay đổi phương thức sản xuất nhỏ lẻ kinh tế hộ sang kinh tế tập thể tăng thu nhập cho diêm dân.	1) Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hoá trong sơ chế, chế biến muối quy mô hợp tác xã. 2) Tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. 3) Đào tạo tập huấn: Tổ chức tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền và truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Bạc Liêu, Bến Tre	2026-2028	1) 05 dây chuyền thiết bị sơ chế, chế biến muối đạt năng suất đạt 0,5-1 tấn/giờ/dây chuyền. 2) Xây dựng được tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất, sơ chế, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm muối. Liên kết tiêu thụ 100% sản phẩm muối của thành viên HTX. 3) Đào tạo tập huấn: Người dân tham gia mô hình và bên ngoài mô hình được chuyển giao và nắm vững kỹ thuật sơ chế và chế biến muối. 4) Thông tin, tuyên truyền và tổ chức truyền thông: Diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, ấn phẩm truyền thông. 5) Hiệu quả kinh tế: Tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình (sản xuất đại trà). Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	
IV	Lĩnh vực: Lâm nghiệp						
49	Xây dựng mô hình trồng rừng gỗ lớn theo hướng quản lý rừng bền vững tại	Chuyên giao giống Keo lai mới và kỹ thuật lâm sinh trong trồng rừng sản xuất; hình thành	1) Xây dựng mô hình: Xây dựng mô hình trình diễn rừng trồng bằng các giống keo lai mô mới. 2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình.	Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang	2026 - 2028	1) 150 ha mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng giống Keo lai mới theo hướng quản lý rừng bền vững (đáp ứng tối thiểu 20 chỉ số thuộc bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững quốc gia VFCS/PEFC ST 1003:2019): - Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất và năm thứ hai đạt $\geq 90\%$, năm thứ ba đạt $\geq 85\%$.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
	các tỉnh miền núi phía Bắc	vùng nguyên liệu gỗ lớn đáp ứng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC ST 1003:2019 phục vụ nhu cầu chế biến trong nước và xuất khẩu.	3) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			- Năm thứ 3: $D_{1.3} = 8 - 10\text{cm}$; $H_{vn} = 9 - 11\text{m}$. - Năng suất sau ba năm đạt $\geq 25\text{m}^3/\text{ha}/\text{năm}$ - Hiệu quả kinh tế $\geq 30\%$ so với trồng rừng gỗ nhỏ. 2) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 3) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 4) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt. 5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 6) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	
50	Xây dựng mô hình trồng, chăm sóc và quản lý bền vững rừng trồng cho chủ rừng nhỏ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia	Thúc đẩy việc quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên rừng thông qua xây dựng mô hình trồng, chăm sóc và quản lý rừng trồng bền vững cho chủ rừng nhỏ theo tiêu chuẩn VFCS/PEFC FM; nhằm đạt được mục tiêu bảo tồn đa dạng	1) Xây dựng mô hình trồng rừng, chăm sóc và quản lý bền vững rừng trồng cho chủ rừng nhỏ theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững Quốc gia VFCS/ PEFC FM. 2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 3) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Quảng Bình và Quảng Trị	2026 - 2028	1) 150 ha mô hình trồng rừng Keo lai tiến bộ kỹ thuật theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC FM: - Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất và năm thứ hai đạt $\geq 90\%$, năm thứ ba đạt $\geq 85\%$. - Năm thứ 3: $D_{1.3} = 8 - 10\text{cm}$; $H_{vn} = 9 - 11\text{m}$. - Năng suất sau ba năm đạt $\geq 25\text{m}^3/\text{ha}/\text{năm}$ - Hiệu quả kinh tế $\geq 30\%$ so với trồng rừng gỗ nhỏ. 2) 1000 ha rừng Keo lai tiến bộ kỹ thuật được chăm sóc theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững VFCS/PEFC FM (trong đó bao gồm 150 ha của mô hình trồng mới rừng Keo lai tiến bộ kỹ thuật và 850 ha rừng trồng có sẵn) và được cấp chứng chỉ rừng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái và duy trì các giá trị dịch vụ môi trường rừng. Đồng thời, nâng cao nhận thức và năng lực kỹ thuật cho chủ rừng nhỏ trong thực hành quản lý rừng bền vững, hướng tới việc được cấp chứng chỉ quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc gia				3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 6) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	
51	Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu (Sâm Lai Châu, Tam thất Bắc) theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại vùng núi phía Bắc.	Chuyển giao kỹ thuật trồng thâm canh và xây dựng mô hình sản xuất Sâm Lai Châu, Tam thất bắc dưới tán rừng theo hướng GACP-WHO; nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển vùng nguyên liệu dược liệu sạch gắn với phát triển du lịch	1) Xây dựng mô hình trình diễn Sâm Lai Châu và Tam thất bắc dưới tán rừng theo hướng GACP-WHO gắn với phát triển du lịch cộng đồng. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông.	Lai Châu, Lào Cai	2026-2028	1) 3,5 ha mô hình trồng thâm canh Sâm lai châu, tam thất bắc dưới tán rừng theo hướng GACP-WHO gắn với phát triển du lịch cộng đồng. Hiệu quả kinh tế $\geq 15\%$ so với so với ngoài mô hình: a) 1,5 ha trồng thâm canh Sâm Lai Châu: - Năm thứ 1: Có tỷ lệ sống đạt $\geq 85\%$. - Năm thứ 2: Đường kính thân khí sinh: 2-2,5 mm; chiều cao thân khí sinh đạt 20-25 cm, đường kính củ đạt khoảng 1-1,5 cm; - Năm thứ 3: Đường kính thân khí sinh: 3-4 mm; chiều cao đạt 30-40 cm, đường kính củ đạt 1,5-2 cm. b) 02 ha trồng thâm canh Tam thất bắc: - Năm thứ 1: Có tỷ lệ sống đạt $\geq 85\%$.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		cộng đồng, bảo vệ môi trường sinh thái tại vùng núi phía Bắc.	5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.			- Năm thứ 2: tỷ lệ sống đạt $\geq 85\%$ của năm thứ nhất, đường kính thân khí sinh: 2-3 mm; chiều cao thân khí sinh đạt 20-25 cm, đường kính củ đạt khoảng 1-1,5 cm; - Năm thứ 3: có tỷ lệ sống đạt $\geq 85\%$ của năm thứ 2, đường kính thân khí sinh: 3 - 4 mm; chiều cao đạt 30 - 40 cm, đường kính củ có thể đạt 1,5 - 2 cm. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 6) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	
52	Xây dựng mô hình trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn bằng cây Lõi thọ (<i>Gmelina arborea</i> Rox b) tại một số tỉnh Tây Nguyên.	Chuyển giao cây giống Lõi thọ có năng suất, chất lượng cao, có nguồn gốc từ lâm phần, cây trọt được tuyển chọn; Góp phần nâng cao năng suất, chất lượng trồng rừng bằng cây bản địa phục vụ	1) Xây dựng mô hình trình diễn trồng cây Lõi Thọ. 2) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 3) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 4) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Gia Lai, Kon Tum	2026-2028	1) 70 ha mô hình trồng rừng thâm canh gỗ lớn bằng cây Lõi Thọ: - Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất đạt $\geq 90\%$, năm thứ 2 và 3 đạt $\geq 85\%$, cây sinh trưởng, phát triển tốt. - Năng suất sau ba năm đạt $\geq 15\text{m}^3/\text{ha}/\text{năm}$ - Hiệu quả kinh tế $\geq 30\%$ so với trồng rừng gỗ nhỏ. 2) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
		cung cấp gỗ lớn.				3) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 4) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 5) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	
53	Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu (Sa nhân tím, Khôi tía) theo hướng GACP-WHO gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Góp phần hình thành và phát triển vùng trồng dược liệu theo hướng GACP-WHO; nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân tham gia trong vùng dự án.	1) Xây dựng mô hình trồng cây Sa nhân tím, khôi tía theo hướng GACP-WHO. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biểu mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Nghệ An, Thanh Hoá	2026 - 2028	1) 40 ha mô hình Sa nhân tím, Khôi tía theo hướng GACP-WHO. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 20\%$ so với ngoài mô hình: a) 25 ha mô hình trồng Sa nhân tím: - Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất đạt $\geq 90\%$, năm thứ 2 đạt $\geq 85\%$. - Năm thứ 3: Tỷ lệ sống đạt $\geq 80\%$, dự kiến cho năng suất khi thu hoạch đạt ≥ 350 kg/ha/năm. b) 15 ha mô hình Khôi tía: - Tỷ lệ sống: Năm thứ nhất đạt $\geq 90\%$, năm thứ 2 đạt $\geq 85\%$, Hvn $\geq 0,5$m, Doo $\geq 0,3$ cm; - Năm 3: Tỷ lệ sống đạt 85%, Hvn $\geq 0,8$m, Doo $\geq 1,0$ cm, năng suất đạt từ 1 - 1,5 tấn lá tươi/ha/năm. - $\geq 50\%$ diện tích mô hình đạt chứng nhận GACP-WHO. 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biểu mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
						5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 6) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	
54	Xây dựng mô hình trồng quế theo hướng hữu cơ và quản lý tổng hợp sâu hại chính tại một số tỉnh miền núi phía Bắc	Hình thành và phát triển vùng nguyên liệu quế theo hướng hữu cơ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; áp dụng các biện pháp quản lý tổng hợp sâu hại chính nhằm giảm thiểu thiệt hại do dịch hại gây ra, phát triển vùng nguyên liệu quế bền vững và thúc đẩy liên kết chuỗi giá trị tại một số tỉnh miền núi phía Bắc.	1) Xây dựng mô hình trình diễn trồng cây Quế theo hướng hữu cơ. 2) Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp sâu hại chính trên cây Quế. 3) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 4) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 5) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biên mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 6) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Bắc Kạn, Yên Bái, Quảng Nam	2026 - 2028	1) 25 ha mô hình trồng mới cây Quế theo hướng hữu cơ: - Năm thứ nhất: Tỷ lệ sống đạt $\geq 90\%$ - Năm thứ 2: Tỷ lệ sống đạt $\geq 85\%$, Doo $\geq 1,2\text{cm}$, Hvn $\geq 1,2\text{m}$. - Năm thứ 3: Tỷ lệ sống đạt $\geq 90\%$, Doo $\geq 2,0\text{cm}$, Hvn $\geq 2,5\text{m}$. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 20\%$ so với ngoài mô hình. 2) 100 ha mô hình quản lý tổng hợp sâu hại chính trên cây Quế. Giảm tỷ lệ sâu hại chính (bọ trĩ, sâu đo xám nâu, sâu róm xanh, sâu hại vỏ...) $> 80\%$. Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 15\%$ so với ngoài mô hình. 3) 03 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 4) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 5) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biên mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 6) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 7) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Các nội dung hoạt động chính	Địa bàn triển khai (tỉnh)	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Ghi chú
55	Xây dựng mô hình trồng cây trà hoa vàng theo hướng hữu cơ nhằm phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Xây dựng và phát triển vùng sản xuất cây trà hoa vàng theo hướng canh tác hữu cơ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và thúc đẩy phát triển vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết tiêu thụ bền vững	1) Xây dựng mô hình trồng cây trà hoa vàng theo hướng hữu cơ. 2) Xây dựng mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ sản phẩm dự án. 3) Đào tạo, tập huấn cho người dân trong và ngoài mô hình. 4) Thông tin, tuyên truyền: diễn đàn, tọa đàm, hội nghị tham quan, hội thảo đầu bờ, biển mô hình, video clip, ấn phẩm truyền thông. 5) Các hoạt động của dự án có sự tham gia của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng.	Quảng Ninh, Bắc Giang	2026 - 2028	1) 20 ha mô hình trồng Trà hoa vàng theo hướng hữu cơ: - Năm thứ nhất: Tỷ lệ sống $\geq 90\%$. - Năm thứ 2: Tỷ lệ sống $\geq 85\%$, Hvn $\geq 0,6m$, Doo $\geq 0,5$ cm. - Năm thứ 3: Tỷ lệ sống $\geq 80\%$, Hvn $\geq 0,8m$, Doo $\geq 0,8$ cm, cây bắt đầu có hoa bó, năng suất dự kiến sau khi thu hoạch đạt $\geq 0,2$ kg hoa tươi/cây. - Hiệu quả kinh tế tăng $\geq 20\%$ so với ngoài mô hình 2) 02 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, liên kết tiêu thụ $\geq 80\%$ sản phẩm của dự án. 3) 100% người tham gia mô hình được tập huấn kỹ thuật và tập huấn cho người không tham mô hình có nhu cầu để nhân rộng. 4) Các diễn đàn, tọa đàm, hội nghị sơ, tổng kết, tham quan, hội thảo đầu bờ, bảng biển mô hình, video clip, ấn phẩm để phổ biến kết quả và nhân rộng mô hình. 5) Gắn các hoạt động của dự án với hoạt động của tổ chức khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng. 6) Nhân rộng mô hình $\geq 20\%$ so với quy mô dự án được phê duyệt.	